

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002238

Trang : 1/3

Môn học: **PLC nâng cao (228263) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

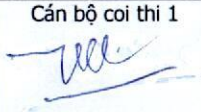
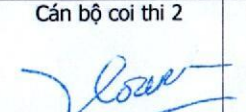
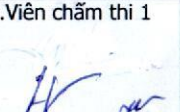
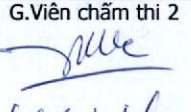
Giờ: **07:30**

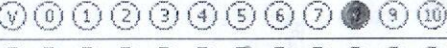
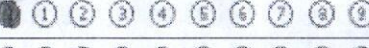
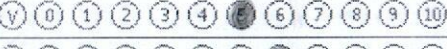
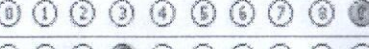
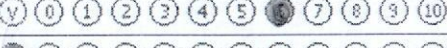
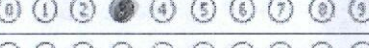
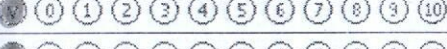
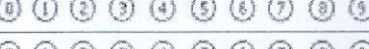
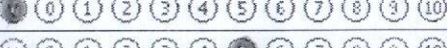
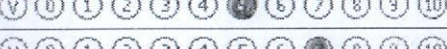
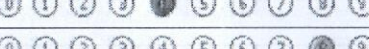
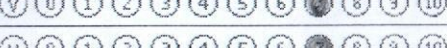
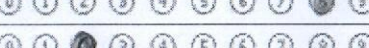
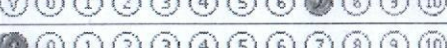
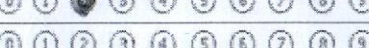
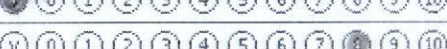
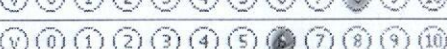
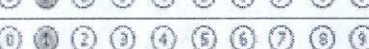
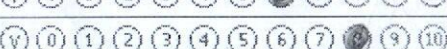
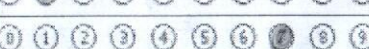
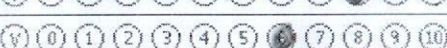
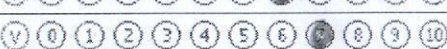
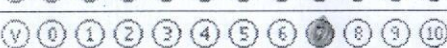
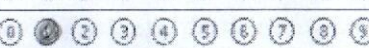
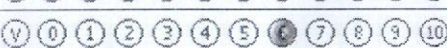
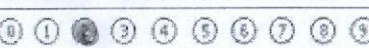
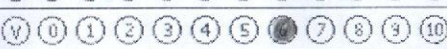
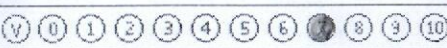
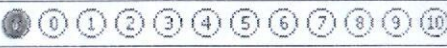
Phòng thi: **A206**

Số SV có mặt: **34**...

Số bài thi: **34**...

Số tờ giấy thi: **34**...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Ngô Đình Mỹ	 Hoàng Thị Ngọc	 Đỗ Phan	 Ngô Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150003	PHẠM HOÀNG ANH	13/10/2002	CCQ2115A		1		6,9	8,8	8,0		
2	2121150007	VŨ HOÀI BẢO	24/07/2003	CCQ2115A		1		6,8	5,3	5,9		
3	2121150012	BÙI LONG BẠCH	16/11/2003	CCQ2115A		1		7,1	5,8	6,3		
4	2121150059	BÙI NGỌC BẢO	08/07/2003	CCQ2115B								
5	2121150061	NGUYỄN HOÀNG CHUNG	24/03/2001	CCQ2115B								
6	2121150032	LÊ VĂN CƯỜNG	28/09/2003	CCQ2115A		1		7,4	4,0	5,4		
7	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIỄN	02/12/2002	CCQ2115A		1		7,8	7,8	7,8		
8	2121150051	LÊ KHÁNH DUY	14/11/2003	CCQ2115B		1		7,1	7,3	7,2		
9	2121150046	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	25/01/2003	CCQ2115B								
10	2121150004	NGÔ VĂN HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A		1		7,7	8,3	8,1		
11	2121150001	MẠC DUY HOÀNG	28/07/2003	CCQ2115A		1		6,2	6,0	6,1		
12	2121150009	ĐÀO DUY HUY	28/03/2003	CCQ2115A		1		8,6	8,8	8,7		
13	2121150011	HOÀNG ĐỨC HUY	09/05/2003	CCQ2115A		1		6,2	5,8	6,0		
14	2121150035	NGUYỄN QUỐC HUY	28/02/2003	CCQ2115A		1		7,8	6,8	7,2		
15	2121150052	LƯU ĐỨC KHANG	10/06/2003	CCQ2115B		1		6,7	7,3	7,1		
16	2121150036	PHẠM ĐĂNG KHOA	22/07/2003	CCQ2115B		1		7,3	5,5	6,2		
17	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A		1		6,8	5,8	6,2		
18	2121150026	TRẦN BẢO LỢI	03/02/1996	CCQ2115A		1		6,9	7,8	7,4		
19	2121150005	HOÀNG THỊ THU MAI	13/04/2003	CCQ2115A		1		8,2	8,8	8,6		
20	2121150034	LÊ HUỖNH CÔNG MẾN	02/10/2003	CCQ2115A								

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002238

Trang : 2/3

Môn học: **PLC nâng cao (228263) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

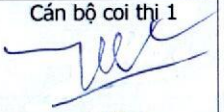
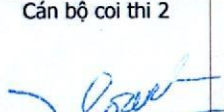
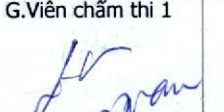
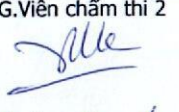
Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A206**

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Đình Thi	Cán bộ coi thi 2  Hương Thị Nga	G.Viên chấm thi 1  Đỗ Phạm	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Việt Khoa
--	--	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150048	PHAN THÀNH NHÂN	18/10/2003	CCQ2115B		1		7,2	5,8	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121150049	TRẦN DANH NHÂN	27/02/2003	CCQ2115B		1		7,4	6,0	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121150006	NGUYỄN VĂN TUẤN NHẬT	12/08/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121150022	NGUYỄN THÀNH PHONG	19/11/2003	CCQ2115A		1		7,0	5,0	5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A		1		7,1	7,5	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121150047	ĐÀO DUY THÁI	24/11/2003	CCQ2115B		1		7,7	7,0	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121150027	VŨ NGUYỄN NHẬT THANH	16/12/2000	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121150038	VÕ CHIẾN THẮNG	08/04/2003	CCQ2115B		1		7,4	6,3	6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121150045	VÕ QUỐC THẮNG	30/11/2003	CCQ2115B		1		6,7	8,3	7,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121150042	ĐỖ THÀNH THI	17/07/2002	CCQ2115B		1		7,4	7,5	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121150025	NGUYỄN NGỌC THIÊN	16/02/2003	CCQ2115A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121150021	NGUYỄN KIM TIẾN	15/09/2003	CCQ2115A		1		6,3	5,8	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121150041	NGUYỄN HỮU TỒN	14/12/2003	CCQ2115B		1		7,4	6,3	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121150050	NGUYỄN TRUNG TRÍ	31/12/2003	CCQ2115B		1		7,2	8,3	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2121150028	PHÙNG NINH ANH	02/11/2003	CCQ2115A		1		7,8	4,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121150064	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	09/09/2002	CCQ2115B		1		6,2	4,3	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121150010	NGUYỄN QUỐC VĂN	01/12/2003	CCQ2115A		1		8,1	9,0	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2121150053	TRẦN TRUNG VĨNH	23/05/2003	CCQ2115B		1		7,8	6,8	7,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2117060092	LÊ QUỐC VŨ	29/07/1999	CCQ1706B		1		7,1	8,0	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121150055	PHẠM VĂN VŨ	18/06/2002	CCQ2115B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **PLC nâng cao (228263) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

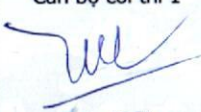
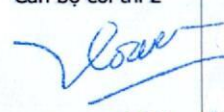
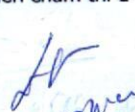
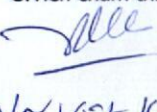
Giờ: **07:30**

Phòng thi: **A206**

Mã nhận dạng: 002238

Trang : 3/3

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Đình Tú	 Hoàng Thị Nga	 Đỗ Phú	 Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121150015	TRẦN XUÂN VŨ	27/08/2003	CCQ2115A		1	Vũ	7,2	6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

LỊCH THI VÀ DANH SÁCH SINH VIÊN THI BỔ SUNG HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022 - 2023

Ngày thi: 12/01/2023, 07h30

Môn: PLC nâng cao

Phòng: A206

GVGD: Nguyễn Lê Nhật Tuyên

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ HP	NHÓM	Chữ ký sinh viên	Điểm QT	Điểm thi	Điểm HP
1	2121060039	Nguyễn Đăng Khoa	30.12.03	228263	01	khoc.	6,5	4,0	5,0
2									
3									

Lưu ý:

- Sinh viên có mặt đúng thời gian thi.
- Sinh viên mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy gờ tùy thân có ảnh.

Số sinh viên có mặt:01.....

Số bài thi:01.....

Số sinh viên vắng mặt:0.....

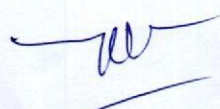
Số tờ giấy thi:01.....

CB coi thi 1

CB coi thi 2

GV chấm bài 1

GV chấm bài 2


 Nguyễn Anh Tuấn


 Hoàng Thị Nga


 Đỗ Phan


 Nguyễn Việt Khoa